TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09/7/2020
"*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Ba.

2. Bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ , tỉnh B .

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ , tỉnh B ; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 102/2020/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 3 năm 2020, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị A, sinh năm 1999; *nơi cư trú*: Số 91, đường số 12, thôn 1, xã N , huyện T, tỉnh B .

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1999; *nơi cư trú*: Số 31, đường số 18, thôn 3, xã Mê Pu, huyện Đ , tỉnh B .

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn và bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện lập ngày 05 tháng 3 năm 2020, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị A trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn G tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại UBND xã Mê Pu,

huyện Đ , tỉnh B . Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, anh G thường hay đi nhậu về kiếm chuyện vô cớ để gây gỗ, đánh đập chị. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh G vẫn không thay đổi. Do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên đã sống ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay. Chị nhận thấy không còn tình cảm yêu thương với anh G, vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị và anh G có 01 con chung tên Nguyễn Võ X, sinh ngày 11/11/2018. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục con chung và yêu cầu anh G phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Con chung hiện nay đang ở với chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn G trình bày: Về quá trình đăng ký kết hôn giống như chị Võ Thị A đã trình bày. Anh G cũng thừa nhận trong quá trình chung sống giữa anh và chị A thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cải vã lẫn nhau. Anh và chị A đã ly thân từ tháng 02/2020 đến nay, vì vậy chị A yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Võ X, sinh ngày 11/11/2018. Anh đồng ý giao con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; cháu Nam hiện nay đang ở cùng chị A. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị A thì anh không đồng ý, vì hiện tại anh là sinh viên năm cuối, không đi làm thêm bên ngoài được nên không có thu nhập, tiền chi tiêu hàng tháng của anh phụ thuộc vào cha mẹ, bản thân anh không có tài sản riêng. Khi nào anh ra trường thì mới đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng việc hòa giải không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ , tỉnh B được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để khẳng định đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Năm 2019, chị Võ Thị A và anh Nguyễn Văn G có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mê Pu huyện Đ , tỉnh B theo giấy chứng nhận kết hôn số 04. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống chị A và anh G đều thống nhất vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể tìm được tiếng nói chung, không dung hòa được tính cách của nhau. Vì vậy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay. Chị A yêu cầu ly hôn thì anh G đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hơn nữa anh G cũng không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị A và anh G có 01 con chung tên Nguyễn Võ X, sinh ngày 11/11/2018. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi dưỡng thì cần căn cứ vào nguyện vọng của con và quyền lợi về mọi mặt của con. Cháu Nam hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi, chị A và anh G đều thống nhất thỏa thuận giao cháu Nam cho chị A nuôi dưỡng, giáo dục. Do đó nên chấp nhận yêu cầu này của chị A là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A yêu cầu anh G phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình có quy định "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con".* Anh G cho rằng hiện nay anh đang là sinh viên, chưa có việc làm, tiền chi tiêu hàng tháng của anh phụ thuộc vào cha mẹ. Ngoài ra năm 2019 anh G bị tai nạn gãy thân xương đùi, gãy xương đốt khác bàn tay, vì vậy anh không có khả năng cấp dưỡng cho con theo yêu cầu của chị A.

Căn cứ theo Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình quy định "*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống*

chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con". Điều 112 của Luật hôn nhân và gia đình quy định "*Trong trường hợp không còn cha mẹ hoặc cha mẹ không có khả năng lao động và không có tài sản để cấp dưỡng cho con thì anh, chị đã thành niên không sống chung với em có nghĩa vụ cấp dưỡng cho em chưa thành niên không có tài sản để tự nuôi mình hoặc em đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình; em đã thành niên không sống chung với anh, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh, chị không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình".*

Nhận thấy, theo quy định của pháp luật, cha mẹ không phải cấp dưỡng cho con trong trường hợp không có khả năng lao động và không có tài sản riêng. Anh G bị tai nạn năm 2019, đã xuất viện và hồi phục; đi lại, sinh hoạt và học tập bình thường. Căn cứ tiểu mục 1.4 mục 1 phần II của Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng có quy định "*Trong trường hợp sau khi điều trị, người bị thiệt hại mất khả năng lao động và cần có người thường xuyên chăm sóc (người bị thiệt hại không còn khả năng lao động do bị liệt cột sống, mù hai mắt, liệt hai chi, bị tâm thần nặng và các trường hợp khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định bị suy giảm khả năng lao động vĩnh viễn từ 81% trở lên) thì phải bồi thường chi phí hợp lý cho việc chăm sóc người bị thiệt hại*". Như vậy có thể hiểu rằng, không có khả năng lao động phải thuộc trường hợp sau: Bị liệt cột sống, mù hai mắt, liệt hai chi, bị tâm thần nặng và các trường hợp khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định bị suy giảm khả năng lao động vĩnh viễn từ 81% trở lên và cần có người chăm sóc thường xuyên. Từ những nhận định nêu trên, xét thấy anh G không thuộc trường hợp không có khả năng lao động. Do đó yêu cầu của chị A là có căn cứ, phù hợp thực tế và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Anh G có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không tranh chấp nên không cần phải xem xét trong bản án này.

[3] Về án phí: Cần buộc chị A phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Buộc anh G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là đúng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 112, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử: **Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn**.

1/ Về hôn nhân: Chị Võ Thị A ly hôn anh Nguyễn Văn G.

2/ Về con chung: Giao cho chị Võ Thị A được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Võ X, sinh ngày 11/11/2018. Anh Nguyễn Văn G phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 8/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh G có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Võ Thị A có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền anh Nguyễn Văn G phải cấp dưỡng nuôi con nêu trên, thì anh G còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

Chị A có quyền yêu cầu thi hành án ngay sau khi xét xử sơ thẩm đối với số tiền anh G phải cấp dưỡng nuôi con. Anh G có nghĩa vụ phải thi hành ngay số tiền mà Hội đồng xét xử buộc phải cấp dưỡng nuôi con theo đơn yêu cầu thi hành án của chị A.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không tranh chấp nên không cần phải xem xét trong bản án này.

4/ Về án phí: Chị Võ Thị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003496 ngày 06/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ . Chị A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ .

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (09/7/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Đ ,
-Chi cục THA dân sự huyện Đ ,
-UBND xã Mê Pu,
-Các đương sự,
-Lưu qđ, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Huỳnh Văn Thuận